

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Chữ nghĩa làng văn

Với khái niệm căn bản của thể truyện, như chữ "truyện", chẳng hạn. Chính chữ "truyện" ấy là điều rất đáng nói. Trong tiếng Anh cũng có chữ truyện tương tự: *story*. Tuy nhiên, trong tiếng Anh, như là một thuật ngữ văn học, chữ *story* rất ít được dùng, phần lớn chỉ xuất hiện trong khái niệm truyện ngắn: *short story*.

Còn với tiểu thuyết thì đã có chữ *fiction* hoặc chữ *novel*. Nên lưu ý là cả hai từ đều có nghĩa định tính và định giá hơn là chỉ thuần mô tả. *Novel*, ngoài nghĩa là tiểu thuyết, còn có nghĩa là mới: viết tiểu thuyết là viết một cái gì mới mẻ, chưa ai kể bao giờ. Chữ *fiction* cũng vậy, vừa có nghĩa là tiểu thuyết *vừa có nghĩa là hư cấu và văn học tưởng tượng* nói chung: Viết là đi vào một thế giới tưởng tượng. Trong tiếng Việt, ngược lại. Viết tiểu thuyết là viết truyện.

Mà *viết truyện là kể một câu chuyện*.

(Một số vấn đề mỹ học – Nguyễn Hưng Quốc)

Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

lãm: xem, coi

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Tinh cây đa, ma cây gạo

Cây đa, cây gạo cả trăm năm, có tinh hay ma, mặc dù chẳng ai nhìn thấy. Tức chuyện viễn vông, tin không được.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

Trai thương vợ nắng quái chiều hôm

Nắng quái chiều hôm: Nắng cuối ngày, ám chỉ tuổi già, tuổi xế chiều của đời người. Đàn ông xưa lo việc nông tang nên không có thì giờ săn sóc vợ. Chỉ khi lúc về già, sức tàn lực kiệt các ông mới được nghỉ ngơi, mới gần gũi chăm lo cho nhau.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

Kho tên Cầu Vực



Năm 1959, các nhà khảo cổ miền Bắc ngẫu nhiên tìm được ở vùng đất Cầu Vực bên trong khu vực thành Cổ Loa một kho tên đồng chứa đến hàng ngàn mũi tên đủ loại. Kho tên này được đặt tên là “Kho tên Cầu Vực” như bằng chứng không thể chối cãi về thuyết nỏ thần với móng rồng của thần Kim Quy trong *Lĩnh Nam Chích Quái*.

Thế nhưng về phương pháp cổ học, không ai ngạc nhiên là tự hỏi tại sao kho tên còn nguyên vẹn. Và không một ai cất công thử tìm hiểu (1) thêm là các mũi tên Cầu Vực sao lại có dáng của những mũi tên tìm thấy ở đảo Hoàng Sa (2).

(1) Trong lần phát biểu tại Đại học Paris năm 1988, chính Văn Tạo, Viện trưởng Viện Sử học đã tuyên bố: “Chúng tôi không viết sử để làm công trình sử học mà là để góp phần xây dựng chế độ mới”. (Dẫn từ Hugues Tertrais – “Historical Research in VN”)

(2) Những tên đồng ngoài đảo Hoàng Sa giống y hệt như kho tên Cầu Vực trên đất liền do nhà khảo cổ Trung Quốc tìm thấy.

(Sử gia Tạ Chí Đại Trường – Những bài văn sử)

Chuyện làng văn xóm chữ với bút hiệu

Bút hiệu chỉ nơi sinh quán

Người Việt có tâm lý rất gắn bó nơi sinh quán. Dù cư ngụ ở đâu, họ cũng vẫn hoài cố quán. Tâm lý này được thể hiện qua văn chương. Đối với tính danh học, tâm lý này thể hiện qua việc lấy địa danh quê quán làm bút hiệu.

Xin đan cử một vài ví dụ:

Nhà văn Phạm Quỳnh (1892-1945), có các bút hiệu khác nhau là Lương Ngọc, Hồng Nhân, Thượng Chi. Ông lấy bút hiệu Lương Ngọc vì nguyên quán của ông ở làng Lương Ngọc, tổng Ngọc Cục, Huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Nhà thơ Nguyễn Trọng Trí lần lượt lấy các bút hiệu Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh, và sau cùng là Hàn Mặc Tử. Riêng bút hiệu Lệ Thanh là do hai chữ đầu của sinh quán Lệ Mỹ và chánh quán Thanh Tân ghép lại.

Nhà văn Trần Trung Lương, tác giả của nhiều tác phẩm nói về đời sống người tỵ nạn Việt Nam ở Canada, lấy hiệu là Trà Lũ vì tổ tiên ông ở làng Trà Lũ, Nam Định, trước khi di cư sang Phát Diệm để tránh cuộc bắt đạo của Tổng đốc Trịnh Quang Khanh.

(Nghệ Danh)

Tuổi già cảm cảnh

Chúng ta rồi cũng sẽ già
Sẽ lên nóc tủ ngắm gà sexy
Vậy nên sống thật chút đi
Đừng nên giả dối ăn gà mắt ngon.

Chuyện làng văn với bút danh

Bình-nguyên Lộc và tình đất



Bình-nguyên Lộc tên thật Tô Văn Tuấn, sinh và mất cùng ngày 7 tháng 3, thọ 73 tuổi (1914-1987). Sự nghiệp văn hóa của Bình-nguyên Lộc khá đa dạng, ông viết văn làm thơ, rồi làm báo, nhà xuất bản và cuối cùng làm nhà nghiên cứu tiếng Việt và nhân chủng học. Bình-nguyên Lộc là một trong những nhà văn trội bật của dòng văn chương lục tỉnh.

Ngoài bút hiệu Bình-nguyên Lộc ghi dấu quê hương Đồng Nai, ông còn ký Phong Ngạn, Hồ Văn Huấn, Trình Nguyên và một số bút hiệu ngắn hạn khác.

(Nguyễn Vy Khanh)

Chữ nghĩa làng văn

Mà *viết truyện là kể một câu chuyện*.

Xem chuyện là yếu tính của truyện, ám ảnh lớn nhất thường là câu chuyện. *Người ta ngỡ như có được một câu chuyện hay thì sẽ có ngay được một truyện dài hay truyện ngắn hay.*

Nhưng khi câu chuyện nổi lên thì của phong cách, của cách kể câu chuyện ấy tự nhiên rớt xuống hàng thứ yếu. Không phải ngẫu nhiên mà ở Việt Nam, yếu tố gọi là vốn sống hay sự từng trải bao giờ cũng được đề cao hơn là học thức và kỹ thuật. Thậm chí, ở không ít người, *học thức và kỹ thuật* còn gây nên dị ứng.

(Một số vấn đề mỹ học – Nguyễn Hưng Quốc)

Phở

Theo chúng tôi, *ngưu nhục phần* và *phở* là hai món ăn khác nhau. Từ điển bách khoa Baicke của Trung Quốc cho biết, tùy theo địa phương, nguyên liệu và cách chế biến ngưu nhục phần có thay đổi đôi chút, song nhìn chung, nguyên liệu gồm có: thịt bò, nước súp, bánh bột sọ, củ cải chua, dưa cải bắp, bơ, hành, tiêu, hồi, dẫu tây, rau thì là, quế, muối, gừng, hạt tiêu đỏ sấy khô, rau mùi tây, ớt khô, bột ngọt, tinh dầu hạt cải...

Trong khi đó, thành phần chính của phở gồm có sợi phở, nước dùng (ninh từ xương ống lợn/bò và một số gia vị khác), thịt bò bắp (để làm thịt chín), thịt thăn mềm (để làm thịt tái), con sá sùng, tôm nõn, hành khô, gừng, dứa, hạt nêm, thảo quả nướng, hành tây, hành hoa, húng bạc hà, chanh, ớt, rau thơm...

Xét về nguyên liệu, ngưu nhục phần sử dụng củ cải chua, dưa cải bắp, bơ, tinh dầu hạt cải...những thứ không dùng để chế biến phở; ngược lại phở sử dụng con sá sùng, chanh, ớt, rau thơm...những thứ không thấy khi làm món ngưu nhục phần.

(Vương Trung Hiếu – Nguồn gốc phở)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Người văn

Truyện dân gian có nhiều, lâu nay bị thất lạc. Muốn cho đầy đủ thì quả là khó khăn, và cũng chưa biết đến bao giờ mới đạt được. Nên phải góp nhặt từng phần từng mảnh, nhưng chúng tôi vẫn bằng lòng hàng chục năm nay với sự thu góp ấy.

Một người mù chỉ người văn mà biết được văn hay hay dở. Có ông tú đưa bộ Tây sương ký ra hỏi. Người mù người rồi bảo:

- Tây sương ký đây mà !

Ông tú hỏi:
- Sao biết?
- Người có mùi phấn sáp.

Ông tú lại đưa pho Tam quốc chí ra hỏi. Người mù người rồi bảo:
- Tam quốc chí đây mà!

Ông tú hỏi:
- Sao biết?
Người mù nói:
- Người có mùi binh đao.

Ông tú mới đem tập văn của mình ra hỏi. Người mù người rồi bảo:
- Văn này của ông chứ gì?

Ông tú hỏi:
- Sao biết?
Ông mù nói:
- Người có mùi thum thum.

(Vũ Ngọc Khánh - Kho tàng truyện dân gian)

Xuất xứ của những bản nhạc

Áo lụa Hà Đông

Ai trong chúng ta cũng đã từng hát một lần bài "Áo lụa Hà Đông" của nhạc sĩ Ngô Thụy Miên, nhưng mấy ai biết rằng bài hát này lại có xuất xứ từ *một cuộc thi hoa hậu đầu tiên của Việt Nam*.

Năm 1930, xứ Bắc Kỳ đã tổ chức cuộc thi người đẹp với những ấn tượng lạ: không phải ở Hà Nội mà ngay tại tỉnh Hà Đông; các cô gái bất cứ lứa tuổi, kể cả đã có chồng, phải mặc áo lụa của xứ Hà Đông. Người được chọn trong cuộc thi là người đẹp Lý Lệ Hằng, xuất thân từ một nông dân nghèo tỉnh Thái Bình. Do cuộc sống mưu sinh, cô phải lên Hà nội làm nghề hát cô đầu cho các quán rượu. Sau khi thay đổi cuộc đời, cô trở nên nổi tiếng và là niềm ước mơ của bao công tử nhà giàu trong cả nước. Tuy nhiên chẳng ai có thể với tới được móng chân của người đẹp "chân lấm, tay bùn" bởi chỉ một thời gian sau *Bảo Đại đã chọn Lý Lệ Hằng làm người tình*.

Có lẽ cũng như bao chàng trai si mê sắc đẹp khác, dù đã trải qua hơn 20 năm sau, nhà thơ Nguyễn Sa vẫn mơ tưởng đến nụ cười, ánh mắt khuyh đảo của hoa hậu đầu tiên và ông đã viết bài thơ ca ngợi người đẹp mặc áo lụa ấy.

Mãi đến năm 1969, Ngô Thụy Miên đã viết nên ca khúc nổi tiếng "Áo lụa Hà Đông" được phổ lời từ bài thơ của Nguyễn Sa (sinh quán ở Hà Đông)

Địch – Ta

Khi đi du lịch
Ta đi với... "ta"
Có chuyện xảy ra
Ta về với địch

Chân nam đá chân xiêu

Nhờ vào từ "đá" đứng giữa hai vế mà người ta hiểu nghĩa đen của thành ngữ này là "chân nọ đá vào chân kia", và do từ "chân xiêu" một cách đơn thuần là "xiêu vẹo" nên người ta hiểu nghĩa bóng của thành ngữ là "đi đứng không vững vàng". Nhưng tại sao "chân nam" lại là chân này và "chân xiêu" lại là chân kia ?

Thực ra, "nam" là do "đăm", còn "xiêu" là do "chiêu" đọc chệch mà thành. "Đăm" và "chiêu" là hai từ cổ thuần Việt có nghĩa "bên phải" và "bên trái". Từ điển "Đại Nam Quốc Âm Tự Vị" của Huỳnh Tịnh Của (1895) còn ghi : "đăm" là "tay mặt, tay hữu"; "chiêu" là "tay trái, tay tả". "Đăm" và "chiêu" còn thấy ở nhiều câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ như :

"Tay chiêu đập niêu không vỡ" hoặc "Gà kia mày gáy chiêu đăm - Để chúa tao nằm, tao nghỉ chút nao".

"Đăm", "chiêu" trong "gà gáy chiêu đăm" hoặc suy nghĩ "đăm chiêu" với nghĩa đen là "phải trái" để mang nghĩa bóng là "lo nghĩ vất vả, lo nghĩ trước sau". (Từ điển của hội Khai Trí Tiến Đức 1932). Như vậy thành ngữ "chân nam đá chân xiêu" đúng phải là "chân đăm đá chân chiêu" tức chân phải đá chân trái để chỉ "trạng thái đi đứng không vững vàng".

"Ông cụ Bèo đi bán củi ở chợ Nghệ về, làm mấy chén rượu, chân đăm đá chân chiêu về đến nhà". (Quang Dũng - "Nhà đời").

Sau nữa, nếu say sưa cũng "chân nam đá chân xiêu" thì đây là nghĩa thứ hai của thành ngữ: "Nhà Chẩn cũng nghèo thay! Nhờ được bà hay lam hay làm, thất lạng bó que, xắn váy quai cồng, tất tả chân nam đá chân chiêu, vì tớ đỡ đần trong mọi việc". (Nguyễn Khuyến).

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Kiến tha lâu cũng có ngày mỗi cảnh.

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Ngày 20/8/1982 thì đến lượt Hoàng Cầm bị bắt. Sau khi tôi (Hoàng Hưng) và Hoàng Cầm bị bắt. Tôi không thể nào quên cái buổi sáng ấy trong Hỏa Lò, người công an đưa tôi vào một phòng hỏi cung, nhưng không có ai trong đó. Mà lại có một tập giấy thép viết sẵn để trên bàn. Tôi tò mò giở ra, thì... trời ơi, đó là bản tự khai của Hoàng Cầm. Tôi đọc lướt, càng đọc càng hoang mang vì ông nhận tuốt tuốt các ý tưởng chống Đảng, đã kích chế độ...trong tập thơ.

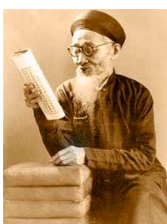
Để cho tôi một mình đọc xong, người ta mới đưa tôi trở lại phòng giam. Và họ bố trí rất khéo, để như tình cờ tôi gặp Hoàng Cầm đang ngồi ở cổng chờ (giữa khu trại giam và khu "làm việc" có một cái cổng lớn, sau khi "làm việc" xong phạm nhân ngồi đó chờ "quản giáo" ra nhận để đưa vào buồng giam). Tôi xông đến bên ông, hỏi gay gắt: "Anh nhận tội phản động thật à? Sao lại thế?". Hoàng Cầm cúi đầu xuống, không nói gì, từ khóe mắt ông lặn ra những giọt nước mắt. Đến tận hôm nay, nhớ lại những giọt lệ tủi nhục của nhà thơ đàn anh, lòng tôi vẫn còn đau. Với tôi, tự buộc mình phải hèn để có thể tồn tại là điều không gì đau hơn cho một kẻ sĩ.

Nhưng trong lúc Hoàng Cầm ngong ngóng công an thực hiện lời hứa (?) cho về vào dịp Tết, thì một số trí thức Pháp do Thiên sư Thích Nhất Hạnh vận động đã gửi thư cho Lê Đức Thọ đề nghị thả nhà thơ. Tin đến tai Tố Hữu, ông "bạn thơ" quý hoá phán một câu xanh rờn: - Nước ngoài can thiệp hả? Thì giam thêm 1 năm nữa cho nó biết!

("Về Kinh Bắc", một sự kiện "Hậu Nhân Văn" – Hoàng Hưng)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Đại hạ



Ông phú hộ làm ngôi nhà mới, mở tiệc ăn mừng.
Cụ Yên Đổ cho hai chữ : *Đại hạ*.

Đại hạ là nhà to. Nhưng thay vì viết "hạ là nhà", cụ lại viết chữ "hạ là mùa hè".
Mùa hè to là nghĩa gì? Sau cụ mới giải thích cho người thân cận:
Đại hạ là hè to, hè to lái lại là tò he: tò he tí te là tiếng kèn đấm mạ

Hỏi ra thì ông phú hộ này xưa kia quả có làm qua nghề thợ kèn ...

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

Nạ

Nạ : đàn bà đến tuổi làm mẹ.

Nạ dòng vợ được trai tơ,
Gái tơ mấy chốc xảy ra nạ dòng

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

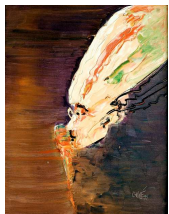
Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

tự điển 字典

Định nghĩa rằng, tự điển là sách từ điển xếp theo chữ như chữ Hán (như soạn giả đã làm) hẳn là quá mù mờ. Những người biết chữ Hán bao giờ cũng phân biệt rất rõ tự điển và từ điển. Đối với các hệ thống chữ viết không biểu âm (tức là gồm các con chữ không thể hiện được cách đọc, ví dụ như chữ Hán) thì việc nhận dạng các con chữ cùng với âm và nghĩa tương ứng của chúng là điều rất quan trọng, và tự điển được soạn ra để giải quyết việc đó. Tự điển là một loại sách công cụ, lấy "đơn tự" (tức là chữ đơn) làm đơn vị, được sắp xếp theo một trật tự nhất định, cho phép nhận dạng chúng và cũng cho biết cách đọc, nghĩa và cách sử dụng của chúng.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chuyện làng văn với bút danh



Tô Hoài
tranh Chóe
Nguyễn Hải Chí

Tô Hoài

Nhà văn Tô Hoài sinh ra tại Hà Nội, nơi có con sông *Tô Lịch* chảy qua. Xưa kia, nơi ông trưởng thành và lớn lên chính là địa phận thuộc phủ *Hoài Đức*, tỉnh Hà Đông.

Có lẽ đó là lý do hình thành bút danh Tô Hoài của nhà văn tên thật là Nguyễn Sen.

(Song Tháp)

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Lễ tế ngu

Tục này có nơi tính ba ngày sau khi mất, có nơi tính ba ngày sau khi chôn. Xét trong điển lễ thì không có "lễ ba ngày" mà chỉ có "lễ tế ngu" gồm có "sơ ngu", "tái ngu", "tam ngu". "ngu" nghĩa là "yên", tức là ba lần tế lễ cho yên hồn phách, theo "Thọ mai gia lễ" thì khi chôn xong, rước

linh vị về đến nhà tế sơ ngu. Làm sơ ngu xong gặp ngày nhu, (tức là ất, kỷ, tân, quí) làm lễ tái ngu, gặp ngày cương (tức là ngày giáp, bính, mậu, canh, nhâm) làm lễ tam ngu. Phan Kế Bính cũng dẫn giải như trên.

Dần dần về sau người ta giảm lược, kiêm cả ba lễ luôn, chỉ làm lễ tam ngu, vì thế nên gọi là lễ ba ngày. Vậy là tính ba ngày từ sau khi chôn, theo tục gọi là lễ mở cửa mả. Ngày đó con cháu ra sửa lại mồ mả, đắp cỏ, khơi rãnh thoát nước... Ngu là tế ngu, tế chỉ tế người chết, tế thần. Theo phong tục cũ thì ít khi chết xong chôn ngay, thường còn để năm bảy ngày trong nhà. Khi chưa chôn làm lễ triêu tịch điện, tức cúng cơm hàng ngày vẫn theo lễ thờ người sống. Vậy tế ngu phải tính từ sau khi chôn.

Lập luận khác: Có ba điều không yên khiến phải làm lễ tế ngu:

- Đang sống hoạt động nay mọi hoạt động bỗng nhiên đình chỉ.
- Đang nhìn thấy bóng dáng, khi đã nhập quan không nhìn thấy bóng dáng nữa.
- Đang ở trên dương thế, nay xác về cõi âm, hồn vất vưởng lia khỏi xác. Âm dương hoàn toàn cách biệt từ sau lễ thành phần. Sơ ngu, tái ngu, tam ngu là tế để làm cho yên hồn phách, vậy phải tế sau khi mất, sau khi lễ nhập quan và sau khi lễ thành phần xong.

Hôn

Bà con đừng cười vì em út dốt lắm. Em út có chút thắc mắc:
Hôn nghĩa là gì? Có nghĩa đen thôi hay còn có nghĩa bóng nữa?
Xin cảm ơn.

Đáp:

1 - Nghĩa đen, trai gái lúc yêu nhau thắm thiết thường bày tỏ tình yêu qua hành động “môi liền môi, lưỡi liền lưỡi” đó bác.

2 - Dùng thay cho “không” trong câu hỏi : "Anh nói chiều nay mua cho em cái nhẫn kim cương. Có thiệt...“hôn” ?"

Thành viên Tự Lực văn đoàn

Tờ Phong Hóa do Phạm Hữu Ninh, Nguyễn Xuân Mai chủ trương đến số 14 thì đình bản. Nhất Linh điều đình và tục bản ngày 22.9.1932, Tự Lực văn đoàn hiện hữu ngay từ lúc đó đúng 7 năm cho đến tháng 9.1939.

Nếu căn cứ danh sách thành viên ngoài bì sách Tự Lực văn đoàn gồm có: Nhất Linh, Khải Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ và Tú Mỡ (6 người).

Bà Nguyễn Thị Thế, em ruột Nhất Linh, trong *Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường* có thêm Nguyễn Gia Trí (thất hiền, tức 7 người).

Theo quyển *Nhất Linh trong tiến trình hiện đại hóa văn học* của Vũ Gia thì có mặt Xuân Diệu (thành bát tú, 8 người).

Nguyệt san Làng Văn thêm vào Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam, Tường Hùng (11 người).

Giáo sư Lưu Trung Khảo trong *Trên sông Hồng cuộn cuộn* của Nguyễn Tường Bách đã tăng nhân sự (12 người).

Nhà sử học Vũ Chiêu trong *Việt Nam niên biểu III phần Nhân vật chí* ghi Lý Đông A (đảng trưởng Duy Dân) cũng là thành viên của Tự Lực văn đoàn.

Nhà văn Đặng Trần Huân trong *Huyền thoại Tự Lực văn đoàn* xuống bút: “Chúng ta nên chấp nhận 5 vị nguyên thủy đã sáng lập nên Tự Lực văn đoàn mà chẳng nên tự ý cương ra những điều mập mờ chưa rõ làm rối trí người đi sau”.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Nhà thơ rất nổi tiếng là Xuân Diệu bình bài thơ *Đề miếu Sầm Nghi Đống* của Hồ Xuân Hương, đến câu “*Ghé mắt trông lên thấy bảng treo*” thì cứ khẳng khẳng phải là “*Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo*” thì mới đúng, mới thể hiện được khí phách... mà quên mất rằng chữ “*lên*” đã rành rành trong bản thơ Nôm lưu trữ.

(Nguyễn Cẩm Xuyên - Lá trúc che ngang mặt chữ điền)

Chữ nghĩa làng văn

Một trong những yếu tố gây khốn khổ cho nhà văn là cốt truyện. Bạn sẽ cần phải dựng cốt truyện. *Tác phẩm cần cốt truyện như là cơ thể cần một bộ xương vậy.*

Phần lớn các nhà văn cho rằng, cốt truyện là chuỗi sự kiện, là *cách thức tác giả chuyển tải chúng đến người đọc.*

(Cửa ải gian khó của nhà văn – Andrew Taylor)

Chữ Việt cổ

rạch ngô : vườn ngô

(Phạm Xuân Độ)

Trần ai khoai củ

Trần ai: *cõi đời.*

Thành ngữ “trần ai khoai củ” chỉ sự chật vật, khốn khổ khi làm một công việc gì, khác gì củ khoai lăn óc trên mặt đất.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Những câu thơ sau cùng của Bút Tre

Chưa đi chưa biết Sài Gòn
Đi rồi mới biết chẳng còn một xu
Về nhà mới biết là ngu
Mồm tiêu thì ít thẳng cu tiêu nhiều.

Chữ nghĩa làng văn

Vấn đề phân biệt hai cách viết văn xuôi : “*kể lại nội dung*” và “*viết nội dung*”, nhà văn Xôlôukhin có đưa ra một nhận xét thú vị:

90 phần trăm các nhà văn Liên xô kể lại nội dung, chỉ có 10 phần trăm viết nội dung.

(“*Kể lại nội dung*” và “*Viết nội dung*” – Hoàng Ngọc Hiến)

Nải

Nải : góp nhiều lại
(nải chuối, nải cau)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Văn sử với truyền thuyết

An Nam đồ chí

Ngô Sĩ Liên đã thay thế Triệu Đà (1) bằng Hùng Vương và cho nước Văn Lang lên tới Động Đình Hồ thì không còn lý do gì mà phải theo Ngô Thì Sĩ bảo rằng Triệu Đà đóng đô ở Phiên Ngung là...ngoài lãnh thổ Việt.

Thời Ngô Thì Sĩ, chuyện nước Việt có lúc lên đến Động Đình Hồ đã là chuyện hoang đường với ông Hùng Vương, ông Lạc Long Quân và dòng dõi loanh quanh, bản thân ngụ lặn ở hồ Động Đình. Về địa giới nước Văn Lang (2) sách *Lĩnh Nam Chích Quái* liệt truyện trong *Truyện Hồng Bàng* ghi:

“...Địa giới nước Văn Lang: Đông giáp Nam Hải (nay là Quảng Đông- Trung Quốc) Tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên- Trung Quốc) Bắc đến Động Đình Hồ (nay thuộc Tỉnh Hồ Nam Trung Quốc) Nam đến nước Hồ Tôn (Chiêm Thành)...”

An Nam bản đồ sớ thiên lý

Thiểu thị cư dân, đa sơn thủy

Đông lân Hợp Phố, bắc nghị Ung

Nam để Chiêm Thành, tây Đại Lý

(1) Đoạn văn gây khúc trên với ý của sử gia Tạ Chí Đại Trường là ông cùng quan điểm với sử thần Ngô Thì Sĩ là:

Nước Nam Việt của Triệu Đà nằm ở bên...Tàu.

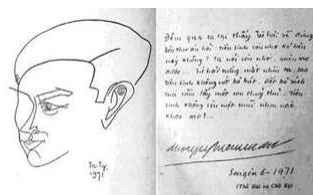
(2) Địa giới nước Văn Lang, vua Tự Đức cũng đã tỏ dấu nghi ngờ:

“...Chẳng qua sử cũ chép quá phò trương đó thôi. Địa giới nước ta từ đời Trần về trước, phía đông giáp biển, phía tây giáp Vân Nam, phía bắc giáp Quảng Tây, phía nam giáp Chiêm Thành. Đại để nhiều sự việc trong Việt sử thất truyền đã lâu, không còn dựa vào đâu mà khảo đính được. Sử đời Lê lại chép quá xa, nào là hư truyền nước Văn Lang phía bắc giáp Động Đình Hồ của nước Sở thì còn xa lắm. Nào biết những ranh rới tới đâu! Chẳng cũng xa sự thực lắm ru...”

(Sử gia Tạ Chí Đại Trường – Sử Việt đọc vài quyển)

Chuyện làng văn với bút danh

Dương Nghiễm Mậu



Tên thật Phí Ích Nghiễm, nhưng ông lấy bút danh Dương Nghiễm Mậu, một cái tên rất nổi tiếng thời kỳ trước năm 1975, tác giả của những thiên truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, ký sự.

Nhiều người cho rằng ông lấy bút hiệu dựa theo tác phẩm *Dương Tử Hà Mậu* của cụ Đồ Chiểu, nhưng thật ra không phải. Ông lấy tên của hai làng nội ngoại ven Hà Nội, nơi ông sinh ra và lớn lên, có chữ Dương và chữ Mậu, đặt tên mình vào giữa như một lời đoạn quyết về gốc gác Hà Nội thật sự của mình (nay thì nó không còn là ven đô nữa mà đã nằm sâu trong Hà Nội mở rộng).

Tôi đã có buổi xe máy lai ông đi vòng vòng ở Hà Nội, qua những nơi mà mấy chục năm trước, chàng trai trẻ Phí Ích Nghiễm từng qua. Dường như qua bất cứ nơi nào ở Hà Nội cũng gợi lại cho ông những hoài niệm về Hà Nội xưa. Sân vận động Hàng Đẫy, nơi ông và đám bạn trẻ từng chạy theo quả bóng mỗi buổi chiều. Con phố Lý Nam Đế ngày xưa không có tên, vắng vẻ vô cùng, nay trở nên đông đúc, tấp nập...

Cột Cờ Hà Nội, trong tâm trí ông mãi mãi là một nơi thâm nghiêm, nên ông cảm thấy shock khi thấy quán cafe ở ngay dưới chân cột cờ và nhà dân vây xung quanh.

Tôi đã đọc lại những trang sách thời kỳ đầu sáng tác của ông viết về Hà Nội thời kỳ những năm 50 của thế kỷ trước và nhận thấy một điều là người đã viết nên những trang sách ấy hẳn là có lòng yêu Hà Nội lắm.

Đề đến nỗi khi đã quá nửa thế kỷ sống ở Sài Gòn rồi (không biết như thế đã được coi là người Sài Gòn chưa?), Hà Nội vẫn là một miền quá vắng trong tâm tưởng ông”.

(Nhị Linh)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Theo tự điển tiếng Việt ở Hà Nội
(Văn Tân Nguyễn văn Đạm):

Mòn: là *trông chờ lâu quá*

Triệu Đà

Thời lập quốc, nước ta có tên là...”Nam Việt” bằng vào đời Hùng Vương thứ 18, Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên và Ngô Sĩ Liên dựng sử nước “Nam Việt ta”...

Nhà Tần lấy Giao Chỉ làm Tượng Quận, Triệu Đà (1) dấy binh đánh lấy hết các quận quốc rồi xưng đế. Triệu Đà chiếm nước Âu Lạc của An Dương Vương Thục Phán. Theo sách *Quảng Châu Ký*, Triệu Đà đã đặt tên là Nam Việt. Đóng đô ở Phiên Ngung (2).

Mặc dù trước đó cả mấy trăm năm, Ngô Thì Sĩ có cần án trong *Việt Sử Tiêu Án*: Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên đều sai vì rằng:

- *Triệu Đà chỉ mới ngừng chân ở Quảng Đông, Quảng Tây, chưa đến đồng bằng Bắc Việt. Mà nước “Nam Việt ấy ở bên Tàu”, miền Nam Hải, Quế Lâm. Do vậy, trong sử Nam ta chẳng bao giờ có quốc hiệu là Nam Việt với một ông vua gốc Tàu tên Triệu Đà.*

Ngô Thì Sĩ chê Ngô Sĩ Liên “hiểu theo lối nông cạn” của Lê Văn Hưu. Rồi chê các sử quan sau tiếp tục “cùng nhau ca tụng” Triệu Đà đến cả ngàn năm, cứ sai lầm mãi cho đến khi có ông cải chính, mà không thấy rằng đó là kết quả của tinh thần từ chương kinh sử mà ông cũng đã chia xẻ trong những phần khác của ông.

Đến thế kỷ 20, theo *Lịch Sử Việt Nam* và *Việt Nam Sử Lược* của Đào Duy Anh với Trần Trọng Kim vẫn nhận nước ta là nước Nam Việt và Triệu Đà là vua nước Việt ta.

(1) Trong Bình Ngô Đại Cáo 1428 Nguyễn Trãi viết: “Việt ta từ Triệu (Triệu Đà), Đinh, Lê, Lý, Trần...” và không nhắc đến Hùng Vương. Ngay cả sử Tàu cũng vậy.

(2) Tư Mã Thiên có một chương nói về Triệu Đà, có đoạn:

Triệu Đà lấy được nước Âu Lạc của Thục Phán và gọi là nước Nam Việt, tự xưng làm vua, lập ra nhà Triệu, tức Triệu Vũ Vương đóng đô ở Phiên Ngung (nay thuộc Quảng Châu bên Trung Hoa).

(Sử gia Tạ Chí Đại Trường – Sử Việt đọc vài quyển)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Theo Hoàng Cầm thì ông cho rằng chính Tố Hữu là người chủ trương, vì căm ghét Hoàng Cầm đã dám chê thơ ông ta (vụ phê bình tập Việt Bắc năm 1956).

Vụ án “Về Kinh Bắc” từ chuyện Nguyễn Mạnh Hùng, bút hiệu Nam Dao, thăm chơi ở Hà Nội, xin nhà thơ Hoàng Cầm một bản chép tay tập thơ *Về Kinh Bắc* để đem về Canada. 1982, định mệnh xui khiến tôi được Hoàng Cầm cho một bản “Về Kinh Bắc”. Theo Hoàng Cầm thì đúng

lúc Tố Hữu đưa ra chuyên án ngăn chặn việc đưa bản thảo này ra nước ngoài và bắt tội tác giả của nó, hoặc đơn giản chỉ là mượn cớ việc chuyển bản thảo này ra nước ngoài để trừng trị tác giả cho bõ ghét.

Thế là trong lúc một cái lưới đang giăng ra xung quanh quán rượu Hoàng Cầm ở 43 Lý Quốc Sư, thì tôi ở Sài Gòn ra, vô tình chui vào đó, trở thành con cá to cuối cùng để công an bắt vớ! Thế là Hoàng Cầm bị giam 16 tháng (20/8/1982 - trước Noel 1983).

Hoá ra họ đã sắp xếp rất chu đáo để “cát vớ” chuyên án “Về Kinh Bắc” mà tôi là một con cá hằm hiu ở đâu đến chui đầu vào lưới. Sau này một anh công an quen thân với gia đình anh cả tôi còn cho biết họ đã bí mật theo dõi, quay phim tôi suốt nửa tháng trời mà tôi không hề để ý! Còn bản thân tôi, nhờ người anh ruột là bác sĩ phục vụ các cán bộ cao cấp đứng ra bảo lãnh, tôi mới được về sau 39 tháng tù, với cái lệnh tha mang tội danh được cải thành “Lưu truyền văn hoá phẩm đồi trụy” (!).

(Vụ án “Về Kinh Bắc” sự kiện “Hậu Nhân Văn” – Hoàng Hưng)

Xuất xứ của những bản nhạc

Nửa hồn thương đau - Phạm Đình Chương

Xuất xứ những bản nhạc vang bóng một thời diễn tả tâm tư của người nhạc sĩ trong cuộc sống hàng ngày, tình yêu, bạn bè, cảnh tan hợp hợp tan, ngay cả thời tiền chiến dù nhiều năm tháng đã trôi qua và dòng đời cứ trôi mãi, nhưng kỷ niệm sẽ mãi in sâu vào tâm tư một số người thường ngoạn. Những bản dưới đây được trích từ blog Cà phê Diễm Xưa, lời xuất xứ được thối lộ từ chính các tác giả của nhạc phẩm.

Vào những năm 60, báo chí Sài Gòn hao tốn rất nhiều giấy mực vì phải đăng nhiều kì vụ li dị giữa ca sĩ Khánh Ngọc và nhạc sĩ Phạm Đình Chương. Lúc đó, chàng nhạc sĩ họ Phạm là thành viên chính trong ban hợp ca Thăng Long, ban nhạc đình đám đương thời như: vợ chồng ca sĩ Thái Hằng - Phạm Duy, ca sĩ Thái Thanh, vợ chồng ca nhạc sĩ Phạm Đình Chương – Khánh Ngọc... Vợ của nhạc sĩ họ Phạm này là một ca sĩ được nhiều người biết đến với tên gọi “ngọn núi lửa”. Phạm Đình Chương nghe phong phanh vợ mình ngoại tình. Nhưng ông vẫn tin tưởng vợ và bỏ ngoài tai tất cả những tin “lá cải” ấy. Chỉ đến khi một số người bạn hẹn ông đi bắt ghen tại Thủ Thiêm thì sự việc mới đổ bể. Kẻ trong cuộc gây ra đổ bể này không ai xa lạ hơn lại chính là người anh rể của ông. Nhạc sĩ nổi tiếng thuở ấy: Phạm Duy.

Người đau lòng nhất :chàng nhạc sĩ. Đây là quãng thời gian đau khổ, ông không còn tâm trí trình diễn cùng các anh chị trong ban hợp ca nữa mà lui về trong bóng tối viết những tình ca buồn như: “Đêm cuối cùng”, “Người đi qua đời tôi”, “Khi cuộc tình đã chết”, “Thuở ban đầu”, “Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển”...

Sau ly dị, một lần, tình cờ ông gặp vợ mình trên sân khấu của chương trình đại nhạc hội. Cuối buổi diễn ông có nhã ý muốn được tiễn cô về vì trời đang mưa nhưng Khánh Ngọc từ chối. Ông lặng lẽ trở về căn nhà kỉ niệm, nhìn qua màn mưa nhớ về những ngày hạnh phúc giờ trôi theo dòng nước, tan vỡ như những bong bóng mưa. Hình ảnh của đêm khấn cùng ấy đã đi vào từng lời của bài hát “Nửa hồn thương đau” được ông viết trong đêm rã rời đó như lột tả từng mảng tâm trạng bị chà xát. Nếu ai đã nghe một lần bài hát này và cũng đồng cảm với cuộc đời của nhạc sĩ Phạm Đình Chương sẽ hiểu được tâm hồn con người chỉ có thể chịu đựng một giới hạn nhất định.

Khi nhắc tới nhạc sĩ Phạm Đình Chương, người ta lại nghĩ ngay đến “Nửa hồn thương đau” bởi sự bất hủ của tuyệt tình ca và sự chung thủy trong tình yêu của một người đàn ông. Sau này ông đã ở vầy nuôi con và ra đi lặng lẽ tại California năm 1991.

Chú thích: Nhiều người cho rằng Phạm Đình Chương làm bài *Nửa hồn thương đau* phổ nhạc từ bài *Lệ đá xanh* của Thanh Tâm Tuyền. Thế nhưng có người trong gia đình họ Phạm cho

hay lời nhạc ông sáng tác từ đầu chí cuối, ông chỉ dựa cảm hứng hai câu cuối trong thơ Thanh Tâm Tuyền:
đôi khi anh muốn tin, ôi những người khóc lẻ loi một mình...

Địch – Ta

Vợ là địch
Bồ bịch mới là ta
Khi chiến sự xảy ra
Ta buộc về với địch
Rục rịch ta nhớ ta

Phở

Vậy phở có nguồn gốc từ đâu?

Chúng tôi cho rằng phở có nguồn gốc từ món xáo trâu rất phổ biến ở miền bắc, đặc biệt là ở Hà Nội vào đầu thế kỷ 20. Để làm món này người ta chuẩn bị nguyên liệu : thịt trâu thái mỏng, hành lá, tỏi, mỡ, rau răm, khế chua cắt ngang...Sau đó họ xáo (xào) thịt trong chảo rồi đổ ra bát riêng, kế tiếp bỏ khế vào, đảo đều tới lúc khế chuyển sang màu trắng; rồi cho thịt, rau răm và hành vào, đảo cho tới lúc tỏa mùi thơm ; cuối cùng họ chế nước vào, để lửa liu riu. Khi ăn, họ lấy bún cho vào bát, sau đó gấp vài miếng thịt trâu bày trên mặt bún rồi chan nước xáo thịt vào.

(Vương Trung Hiếu – Nguồn gốc phở)

Tri nhân, tri diện bất chi tâm

Câu thành ngữ Hán Việt này ám chỉ: Biết người, biết rõ mặt, nhưng phải đợi thời gian mới hay biết tâm địa người ta.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Còn nói, còn... tát!

Giai thoại làng văn xóm chữ Trò hơn thầy

Truyện dân gian có nhiều, lâu nay bị thất lạc. Muốn cho đầy đủ thì quả là khó khăn, và cũng chưa biết đến bao giờ mới đạt được. Nên phải góp nhặt từng phần từng mảnh, nhưng chúng tôi vẫn bằng lòng hàng chục năm nay với sự thu góp ấy.

Một anh học trò rất hà tiện, học một thầy đồ cũng rất hà tiện. Một hôm, thầy đồ có giỗ, anh học trò phải đến phục dịch. Thầy sai ra chợ mua cái bánh đa về cúng. Anh học trò đi chơi một lúc, mang về một xâu bánh đa và một con gà.

Thầy ngạc nhiên hỏi:

-Bảo mày đi mua bánh đa, sao lại mua thêm gà, hoang phí thế.

Trò trả lời:

-Con mua thế này là con đã tính kỹ lắm rồi ! Thầy trò ta ăn bánh đa thế nào cũng rơi vãi. Con mua gà về để nhặt những mảnh rơi cho khỏi phí.

Thầy gật gù:

-Khá đấy !!!

(Vũ Ngọc Khánh - Kho tàng truyện dân gian)

Chữ và nghĩa

Tục lệ miền Nam ngày Tết không bày cam và chuối.
Vì kiêng cử với *cam là cam chịu*.

Chuối đọc theo giọng miền Nam chuối là:
chúi chúi mũi, làm ăn bết bát không góc đầu lên nổi.

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Lễ cúng cơm

Gia đình Việt Nam nhà nào cũng vậy, mỗi ngày có hai bữa cơm là giờ phút đầm ấm nhất. Trong nhà có người về muộn, mọi người cũng cố chờ về ăn cơm một lúc cho vui vẻ, đầm ấm. Con cháu cầm bát cơm lên, trước hết mời ông bà, cha mẹ, chờ ông bà, cha mẹ rồi mới bắt đầu mới dám ăn. Có nơi xới bát cơm lần thứ hai còn mời nữa. Nếu có khách, trước khi buông bát đĩa đứng dậy còn phải xin phép và mời khách tiếp tục xơi cơm.

Cuộc sống gia đình đang vui vẻ, êm đẹp như vậy, vắng mặt trong bữa cơm còn nhắc, hướng chi vĩnh viễn đi xa. Do đó, trước bữa ăn người thân dâng lên bàn thờ một bát cơm úp, một vài món ăn bình thường, nhà ăn thứ gì cúng thứ đấy, thường là tinh khiết, không đòi hỏi cầu kỳ, nhà nghèo thì lưng cơm, đĩa muối cũng xong. Thắp hương xong, dựng đôi đĩa vào giữa bát cơm, có rượu thì rót chén rượu. Khấn vái xong cũng rót chén nước.

Thờ cúng vong linh cũng giống như đang sống, cũng là để thỏa nguyện tâm linh, "Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương".

Sự phát triển của tiếng Việt

Truyện Ông Gioang Ngô Kim Thạch (1916):

Đây có thể nói là một trong những truyện Việt Nam viết theo truyện Tàu đầu tiên đượm tinh thần Thiên Chúa giáo. Truyện được đăng trên tờ Nam Kỳ Địa Phận từ số 403 (1916) đến số 415 (1917), tác giả là Charles Ngọc Minh đến nay vẫn chưa tìm ra tiểu sử. Truyện cho thấy ở Nam Kỳ, truyện Tàu rất ảnh hưởng đến quần chúng thế nào, khiến cho những người truyền đạo mượn lối viết đó để truyền bá đạo mà tác giả tin là phù hợp với đạo lý dựa trên Nho học bình dân. Truyện có nhiều tình tiết giống các truyện Kiều và Lục Vân Tiên; các truyện này được viết theo thể văn vần trong khi Truyện Ông Gioang Ngô Kim Thạch viết theo văn xuôi.

"Truyện Ông Gioang Ngô Kim Thạch theo chuyện Tàu ở chỗ nội dung nói chuyện đạo đức, ở lối chia truyện làm 11 hồi với hai câu thất ngôn ở đầu mỗi hồi, cũng như lối mở đầu câu chuyện:

"Lối năm 1685, gần rớt đời nhà Minh, buổi vua Thần Tông, ở Triệu Khánh phủ về tỉnh Quảng Đông có nhà kia hai vợ chồng sanh đặng một trai đặt tên là Joseph Ngô Kim Luông, cha tên là Gioang Ngô Kim Thạch, mẹ là Martha Đặng Ngọc Khanh".

Nội dung là chuyện luân lý, kết hợp giữa tam cương ngũ thường của đạo Nho với mười điều răn (thập giới) của Thiên Chúa Giáo, giữa nhân ái của Khổng giáo với bác ái của đạo Chúa, với đức tin vào Thiên Chúa là cha trên trời chí công và chí nhân (...).

(Nguyễn Vy Khanh - Tiếng Việt một số tác phẩm mới phát hiện)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

anh hùng 英雄

Theo soạn giả thì chữ anh ở đây có nghĩa là hoa đẹp, là vẻ đẹp, là người tài năng xuất chúng, còn chữ hùng có nghĩa là loài thú khoẻ nhất, là dũng cảm. Như vậy là ông chỉ giảng đúng nghĩa của chữ anh, còn chữ hùng thì giảng sai hoàn toàn.

Chúng ta biết rằng, có hai chữ "hùng" là 雄 và 熊.

Chữ hùng thứ nhất có nghĩa gốc là con chim trống hay con vật giống đực, và các nghĩa mở rộng là: a) nhân vật kiệt xuất, như trong các từ hùng trưởng, xưng hùng xưng bá; b) quốc gia giàu mạnh, như trong cụm từ chiến quốc thất hùng, nghĩa là bảy nước giàu mạnh nhất thời Chiến quốc; c) các nghĩa khác nữa như to lớn, mạnh mẽ, đều là những tính từ.

Chữ hùng thứ hai 熊 nghĩa là con gấu như trong các từ Đại Hùng Tinh nghĩa là Chòm sao Gấu Lớn và Tiểu Hùng tinh nghĩa là Chòm sao Gấu Bé). Chữ "hùng" thứ nhất, với nghĩa là nhân vật xuất chúng mới có mặt trong từ "anh hùng" 英雄. Soạn giả này đã giảng giải rằng, trong từ "anh hùng", chữ "hùng" nghĩa là loài thú khoẻ nhất, tức là con gấu. Thật là hài hước, nhưng có lẽ người đọc không khỏi xấu hổ thay cho soạn giả.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Đây thôn Vĩ Dạ, bài thơ được in trong tập *Thơ điên* có những câu:

Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?
Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gần đây có nhiều người cho rằng "mặt chữ điền" chẳng phải để tả người mà chỉ là tiếp nối các câu tả cảnh ở đầu bài thơ: sau khi tả nắng hàng cau, tả vườn cây xanh lá.

Và câu thứ tư tả nét kiến trúc đẹp: *lá trúc che ngang ...tấm chữ điền (chấn môn)* trước cửa nhà. Vì kiến trúc xưa thường xây bức *chấn môn* chắn trước cửa ra vào. Tấm chắn này có khi được trang trí hoa lá, hồ phù, có khi đắp nổi nguyên hình một con hổ.

Đơn giản hơn, có khi chỉ đắp nổi một hình chữ thập ở giữa khiến nó giống hệt "chữ điền" Ở vùng Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Bình Định, vào cho đến các tỉnh nam Trung phần xưa vẫn *gọi tấm chắn trước cửa ấy là "mặt chữ điền"*. Hai bên *chấn môn* lại thường có trồng thêm hai bụi trúc, phía sau có hòn non bộ...

(Nguyễn Cẩm Xuyên - Lá trúc che ngang mặt chữ điền)

Chuyện làng văn với bút danh



chân dung Nam Cao
tranh Chóe
Nguyễn Hải Chí

Nam Cao

Ông Trần Hữu Đạt (em ruột nhà văn Nam Cao) kể: Rất nhiều bạn đồng môn, đồng hữu và một số người có dịp gặp nhà văn Nam Cao đều gạn hỏi: Cớ sao ông lại lấy bút danh Nam Cao?

Ông Trần Hữu Đạt nhớ rõ: Nhiều lần ông lục tìm các tài liệu, bản thảo còn lại của Nam Cao thì thấy: Bản thảo nào Nam Cao cũng đề rõ ở góc trên, bên trái, trang đầu:

Đại Nam quốc
Hà Nam tỉnh
Nam Sang huyện
Lý Nhân phủ
Cao Đà tổng
Đại Hoàng xã

Các bản thảo đều được nhà văn ghi chữ Nam, có bản lại ghi chữ Cao hoặc Nam Cao ở dưới các hàng chữ trên. Nhưng vẫn không quên ghi rõ tên Trần Hữu Tri (tên của nhà văn) dưới bản thảo.

Theo ông Trần Hữu Đạt, thì anh trai mình lấy bút danh là Nam Cao là do nhà văn ghép chữ đầu *tên huyện (Nam)* với chữ đầu *tên tổng (Cao)* để nhớ ơn mảnh đất nơi ông đã sinh thành. “Nam Cao” còn có ý nghĩa là nước Nam, cao cả, cao sang... nữa. Nam Cao vốn là nhà văn có lòng yêu nước, yêu quê hương....

(Trần Văn Đô)

Bảy người trong Tự Lực Văn Đoàn

- 1/. Nguyễn Tường Tam - Bút hiệu: Nhất Linh, Đông Sơn, Tam Linh, Bảo Sơn, Lãng Du, Tân Việt. Ông là Giám Đốc cùng Chủ Bút báo Phong Hóa và Thủ lĩnh nhóm Tự Lực Văn Đoàn.
- 2/. Trần Khánh Giu - Bút hiệu: Khải Hưng, KH, Nhị Linh, Nhất Dao Cạo, Hàn Đãi Đậu và Bán Than.
- 3/. Nguyễn Tường Long - Bút hiệu: Tứ Ly, Hoàng Đạo, Tường Vân và Đạo Danh Phúc Vân.
- 4/. Nguyễn Đình Lễ tức Thứ Lễ - Bút hiệu: Thế Lữ và Lê Ta.
- 5/. Nguyễn Tường Lân - Bút hiệu: Thạch Lam, Việt Sinh, Thiện Sĩ.
- 6/. Hồ Trọng Hiếu - Bút hiệu Tú Mỡ.
- 7/. Ngô Xuân Diệu - Bút hiệu Xuân Diệu.

(Phạm Thảo Nguyên - Bếp Núc của Tự Lực Văn Đoàn)

Chữ nghĩa làng văn

Rất nhiều truyện đầu tay có cốt truyện vô cùng phức tạp, bởi các tác giả chưa có kinh nghiệm tưởng có thể thu hút độc giả bằng cách đó. Nhưng một cốt truyện hay không nhất thiết phải phức tạp. Có lẽ, một cốt truyện thành công là *cốt truyện mang đến cho độc giả cảm giác rằng khi gấp sách lại, câu chuyện vẫn tiếp diễn.*

Anton Chekhov từng nói, khi viết, bạn cần phải tìm cách vượt qua đoạn mở đầu và kết thúc, vì đó là những nơi “nhà văn mất nhiều thời gian chần chừ nhất”. Những cốt truyện thành công thường hàm chứa những yếu tố bất ngờ và độc đáo. Một khi đã đọc tiểu thuyết *The Third Policeman* bạn sẽ không thể quên con đường đi đến kết thúc của nó.

Độc giả thích những cuốn sách mang đến cho họ những chi tiết không đoán trước được. John le Carré từng nói: “Con mèo ngồi trên tấm thảm không phải là câu chuyện. Nhưng con mèo ngồi trên tấm thảm của một con mèo khác thì chính là chuyện”.

(Cửa ải gian khó của nhà văn – Andrew Taylor)

Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo

sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại

Ác vàng: mặt trời

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Từ “Nam Việt” thời Triệu Đà

Năm 1802, Nguyễn Ánh cử phái đoàn đi sứ gồm Trịnh Hoài Đức, Đặng Trần Thường, Trương Tấn Bửu qua Tàu xin đổi tên nước, phong vương và lãnh ấn chỉ. Nguyễn Ánh muốn đổi tên nước là *Nam Việt*.

Chỉ dụ của Vua Gia Khánh nhà Thanh: *Trẫm đã duyệt kỹ biểu văn thỉnh phong của Nguyễn Phúc Ánh việc xin phong tên nước là Nam Việt không thể chấp nhận được. Địa danh Nam Việt bao hàm rất lớn (1), khảo sử xưa hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây (2) đều nằm trong đó. Nguyễn Phúc Ánh là tiểu di nơi biên giới, lãnh thổ bằng đất Giao Chỉ xưa là cùng, làm sao lại được xưng là Nam Việt cho được. Rõ ràng tự thị muốn đòi thêm đất, nên lệnh truyền cho các quan Quảng Đông, Quảng Tây lưu tâm.*

Lý do vua Gia Khánh nhà Thanh không ưng vì *Nam Việt là tên cũ thời Triệu Đà nhà Hán thuộc Trung Hoa*. Vì là nhà Thanh gốc Mãn Châu nên buộc đổi ngược lại là *Việt Nam*.

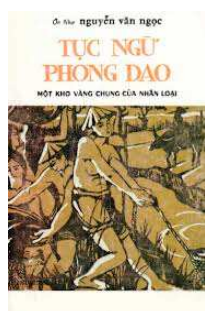
(1) & (2) : Theo vua Gia Khánh nhà Thanh thì nước Nam Việt của Triệu Đà rất lớn, lớn hơn cả Quảng Đông, Quảng Tây thì nước Nam Việt chẳng thể là nước...An Nam.

Trơ trơ như sở lợn nhìn thầy

Thầy cúng, thầy pháp bao giờ cũng đòi hỏi gia chủ cúng cái sở lợn. Cái sở lợn, (cũng như gia chủ) lỗ mắt nhìn thầy, nhìn vào cái tâm địa của thầy bày vẽ để có miếng ăn.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

Nét “tục” trong tục ngữ phong dao



Ca dao

Bà đi chợ đường quai
Vừa đi, vừa tĩa lá khoai bưng l...
Bà đi chợ đường cồn
Vừa đi vừa tĩa lông l... bán trăm.

(“Tục Ngữ Phong Dao” - Nguyễn Văn Ngọc)

Chuyện làng văn với bút danh

“Hàn Mạc Tử”



Trong suốt những năm đầu soạn tiểu luận này quả thực chúng tôi bị ám ảnh bởi cái tiểu chú của Vũ Ngọc Phan nằm ở dưới trang 76, *Nhà Văn Hiện Đại* quyển 3 (Vĩnh Thịnh tái bản, 1951) khi họ Vũ phê bình cuốn *Hàn Mạc Tử* của Trần Thanh Mai, chính chúng tôi đã khẳng khái gọi thi sĩ là Hàn Mạc Tử (có dấu ă).

Nhưng, về sau, nhân đọc một tiểu chú của chúng tôi ở chương I, Phần thứ nhất, tiểu luận này giáo sư bảo trợ đã lưu ý chúng tôi phải xét kỹ hơn về bút hiệu của thi sĩ. Do bởi sự lưu ý ấy, chúng tôi đã để ý tìm tòi, suy xét - và, chúng tôi đã thay đổi cách gọi. Thay vì gọi là Hàn Mạc Tử, chúng tôi đã gọi lại là Hàn **Mạc** Tử, như Trần Thanh Mai, Hoài Thanh đã gọi.

Tiểu chú ở Chương I, Phần thứ nhất của Tiểu luận đã khiến giáo sư bảo trợ lưu ý hồi đó, chúng tôi viết nguyên văn như sau đây:

“(1) Các bút hiệu của Hàn Mạc Tử: Minh Duệ Thị rồi đến Phong Trần, Lê Thanh, Hàn **Mạc** Tử và cuối cùng - theo lời đề nghị của Quách Tấn - thi sĩ đổi lại là Hàn **Mặc** Tử.

Bút hiệu Hàn Mạc Tử được ghi trên tập *Gái Quê*, xuất bản năm 1936. Trong buổi nói chuyện giữa thi sĩ Quách Tấn và chúng tôi ngày 14 - 1 - 1970, Quách Tấn ngậm ngùi công nhận với chúng tôi là bút hiệu Hàn Mạc Tử hay hơn mới hơn, và nhất là đúng với cuộc đời Hàn Mạc Tử hơn là chữ “Hàn Mạc Tử”.

Vấn đề Hàn “Mạc” Tử hay Hàn “Mặc” Tử lần đầu tiên Quách Tấn kể như là một giai thoại văn chương ở tập san Văn số 73 & 74 ra ngày 7/1/1967, trang 49. Quách Tấn viết nguyên văn như sau:

“Tử bèn lấy chữ đầu của sanh quán (Lệ Mỹ) và chữ đầu của chánh quán (Thanh Tân), ghép lại thành hiệu Lê Thanh”.

Tử rất lấy làm vừa ý. Nhưng được ít lâu lấy hiệu Hàn “**Mặc**” Tử.

Hàn Mạc là bức rèm lạnh.

Tử cho là độc đáo, tìm đến khoe cùng tôi. Tôi cười: Kể cũng ngộ thật! Tránh kiếp *phong* trần, lại đi làm khách hồng nhan. Sợ kiếp hồng nhan đa truân, lại đi làm kiếp rèm lạnh! Tránh lờ chun vào lưới. Sao mà lẩn quẩn quá thế?

Tử dậm khùng: Anh này thật đa sự! Không biết đặt “cái đếch” gì cho vừa lòng anh?

Tôi đáp: Đã có rèm thì thêm bóng trắng vào. Hỏi còn cảnh nào nên thơ bằng?

Tử hội ý, cầm bút vạch “vành trăng non” lên đầu chữ A của chữ “**Mạc**” thành ra Hàn Mạc Tử.

Chỉ thêm dấu Á (ă) mà đổi hẳn ý nghĩa của cả khóm chữ.

Chữ Hàn trước kia nghĩa là *lạnh*. Nhưng đi kèm với chữ *mặc* là mực trở thành Hàn là bút.

Hàn Mạc Tử là anh chàng bút mực.

(Nguyễn Đình Nhiên)

Chữ nghĩa làng văn

Theo ý riêng của tôi, sự phân biệt hai phạm trù “kể lại nội dung”, “viết nội dung” là một mặt quan trọng trong sự đánh giá tình trạng văn xuôi hiện nay. Tôi hiểu như thế này : “**kể lại nội dung**” chỉ quan tâm đến việc: kể cái gì. Còn “**viết nội dung**” còn quan tâm đến mặt: kể như thế nào. “Kể lại nội dung” dễ đưa văn xuôi trôi trượt theo văn đưa tin, loại văn này bao giờ cũng có độc giả của nó, nếu đưa tin những chuyện có ý nghĩa giáo huấn sẽ được đánh giá là cần thiết, có ích, kịp thời..., nếu đưa tin những chuyện giật gân có khi sẽ được công chúng rộng rãi mến mộ. Trong văn xuôi “viết nội dung”, sự kết hợp “viết cái gì” và “viết như thế nào” tạo ra sức căng cho câu văn, mạch văn, làm cho câu văn có giọng, có hồn, không bị “bẹt”, bị ìu sùu.

(“Kể lại nội dung” và “Viết nội dung” – Hoàng Ngọc Hiến)

Nói lái : Ít ly

Nói lái trong tiếng Việt có tự nghìn xưa, phong phú và đa dạng. Đang nhậu tới bến mà được hỏi thì: “ít lắm, chỉ mới lai rai “ít ly” thôi. “ít ly” thôi nên tạm hiểu là mới uống đúng “y một lít”. Vậy là...ít lắm!

Đặt lễ quê thói với phong tục cổ truyền

Lễ cúng cơm

Nhưng tại sao lại cúng 100 ngày?

- Cũng tùy địa phương, có nơi chỉ cúng 49 ngày (tức là lễ chung thất). Theo thuyết của Phật giáo: qua 7 lần phán xét, mỗi lần 7 ngày đi qua một điện ở âm ty (tức 1 tuần, nhưng không phải tuần lễ theo dương lịch); sau 7 tuần vong hồn đã siêu thoát. Có nơi cúng hết 100 ngày (tức lễ tốt khốc nghĩa là thôi khóc). Theo giải thích của các cụ ngày xưa thì thời gian này âm hồn vẫn còn phảng phất luẩn quẩn trong nhà chưa đi xa.

Theo thuyết Thần giao cách cảm, ngoài điện trường vật lý đã được ứng dụng trong thực tiễn, còn có điện trường sinh học. Những cá thể có cùng tần số cảm ứng trong điện trường sinh học, mặc dầu ở cách xa nhau rất xa vẫn nhận được những nguồn thông tin của nhau. Các nhà khoa học đã vận dụng những phát triển đó để giải thích về điềm, về giấc mơ, về những biểu hiện tâm, sinh lý bất thường khi thân nhân (có thể cách nhau rất xa về không gian) có cùng tần số điện trường sinh học có sự biến bất thường. Người ta bảo chết là hết.

Nhưng, chết chưa phải là đã hết khi người chết còn tồn tại trong tâm chí người sống. Sau khi chết, tim ngừng đập, máu ngừng chảy, thần kinh cảm giác ngừng hoạt động, vỏ não chưa bị huỷ, xung quanh hiện trường phát từ não vẫn chưa ngừng phát sóng. Lớp đất dày không ngăn được sóng điện vật lý hay sóng điện sinh học. Cá thể sống có tần số điện trường sinh học tương ứng vẫn tiếp nhận được tín hiệu, do đó hiện tượng báo mộng chưa hẳn là vu vơ, không đáng tin. Phải chăng vì lẽ đó mà các cụ cho rằng âm hồn còn phảng phất, chưa siêu thoát.

Rủ nhau đi cầu

Nói chung, dân ta thích... đi cầu. Đi nhiều kiểu, dùng nhiều cầu khác nhau. Cái thì bắc qua sông, qua lạch để lội xóm qua lại thăm hỏi nhau. Cái thì dựng trên mặt nước để ngồi ngắm mây bay rác nổi, buông xả chất chứa trong lòng.

Xưa kia, ta chỉ làm được cầu bé và ngắn. Xây bằng đá, bằng gạch hay lắp ghép bằng gỗ, bằng tre. Gặp khúc sông rộng khó bắc cầu thì dùng thuyền để qua.

Lâu lắm rồi, tôi được nghe 2 câu hát ru em:

*Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.*

Mấy chục năm sau, đọc sách *Tục ngữ, phong dao* của Nguyễn Văn Ngọc, gặp lại 2 câu hát trong một bài thơ 4 câu:

*Bồng bồng mẹ bế con sang,
Đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo.
Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.*

Đọc một lần thấy hơi ngang tai. Đọc hai lần thấy bực mình như nhai phải sạn. Bài thơ kể chuyện bà mẹ bế con sang nhà một ông thầy để xin học cho con.

- Về mặt hình thức, câu thơ thứ 3 lạc vận, không đi với câu thứ 2.

- Nội dung trình bày không đúng tình trạng xã hội ngày xưa. Ngày xưa học trò phải hầu thầy, làm việc nhà cho thầy, trước khi được học chữ. Đưa bé trong câu chuyện còn phải bế ẵm, đi

đái đi ỉa phải có người lau chùi thì thầy nào dám nhận? Một điều vô lí khác là mẹ phải lo chuyện chữ nghĩa thánh hiền cho con.

Ới cụ Khổng ơi, cái khuôn vàng thước ngọc *nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô* của cụ mất thiêng rồi. Bỏ thằng cu *tu thân, tề gia* kiểu này thì làm sao mà mong có ngày *trị quốc, bình thiên hạ* được?

(Nguyễn Dư)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Vài hôm sau, một chiều hai thanh niên mặt lạ tới “mời” papa lên huyện. Bẵng đi vài ngày không thấy tăm hơi gì, mẹ tôi cho người đi dò la tin tức trên huyện Trực Ninh thì được biết papa đã bị giam và sắp bị giải đi nơi khác. Tôi cùng một người nhà vợ lên Cổ Lễ rồi đi dọc theo đường cái tới huyện. May mắn thay trên đường đi lại gặp một đám người lẫn lộn trong đó hình như có papa. Anh người nhà kêu lớn:

“Ông Tú!”

Đúng papa tôi rồi, tôi chạy vội lên:

“Papa, con đây!”.

Khuôn mặt võ vàng, mắt như sâu lại dưới gò má...Papa dừng chân lại: “Triệu, con về đi. Mẹ con cuốc đất trồng rau sống qua ngày. Papa đi lần này không biết ra sao!”. Tôi run lấy bầy nắm lấy cánh tay gầy guộc của papa, nhưng một thanh niên, ý chừng là công an sáng giọng: “Đi ngay, đường còn xa!”... Tôi lặng người nhìn theo bóng papa xa dần rồi khuất hẳn sau những ụ đất phá hoại trên đường liên tỉnh.

Trở về nhà báo tin, cả nhà bồn chồn lo lắng. Tình hình chiến sự lan rộng, tàu chiến Pháp đi dọc theo sông Hồng bắn phá làng mạc hai bên bờ đê, tàu bay bà già vằn vố lâu lâu lại tuôn ra một loạt đạn vu vơ. Trong thời gian này, mẹ cho người đi dò la khắp nơi tìm tin tức papa, lại viết rất nhiều đơn lên ủy ban Hành kháng tỉnh để xin cứu xét. Nhưng tất cả đều như chìm sâu trong sương mù vô vọng.

Rồi tết Đinh Hợi qua đi trong chán nản, kinh hoàng. Sau tết một thời gian tàu Pháp chạy dọc theo sông Hồng bắn phá dữ dội, trong làng đang rục rịch tản cư thì bắt chợt, papa trở về. Một công an mang phù hiệu “Công an Thành Nam Định” hẳn hoi đi kèm.

(Papa tòa báo - Trần Khánh Triệu)

Trần Khánh Triệu là con đẻ của nhà văn Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), và là con nuôi của nhà văn Khải Hưng (Trần Khánh Giư). Bài viết kể về những kỷ niệm với Khải Hưng và những ngày cuối trước khi ông bị Việt Minh bắt và đưa đi thủ tiêu.

Nét “tục” trong tục ngữ phong dao

Cô kia tát nước bên sông
Cái vái thì cộc, cái lông thì dài
Thuyền chài trả một quan hai
Thưa rằng: không bán, để dài quét sân

(“Tục Ngữ Phong Dao” - Nguyễn Văn Ngọc)

Nàn

Nàn : kêu ca
(*phàn nàn, nghèo nàn*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Phở

Trong từ điển Wikipedia bản tiếng Anh, Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha...Đều có mục riêng viết về phở và gọi đích danh là “ Phở”, chứ không gọi bằng tên món ăn nào đó của Pháp hay Trung Quốc. Điều này cho thấy thế giới công nhận “phở” là một món ăn của Việt Nam.

Riêng bản Trung văn, mục viết về *phở* có tựa đề là 越南粉 (Việt Nam phẩn), cũng cho thấy rằng người Tàu công nhận “phở” là món ăn Việt Nam. Do đặc điểm về ngôn ngữ, trong phần nói về nguồn gốc của từ *phở*, họ chú thích hình ảnh tô phở là 越南牛肉粉 (Việt Nam ngưu nhục phẩn), có thể dịch là “phở bò Việt Nam”.

(Vương Trung Hiếu – Nguồn gốc phở)

Xuất xứ của những bản nhạc

Nỗi lòng – Nguyễn Văn Khánh

Phố Khâm Thiên những năm 30 là nơi tập trung những quán cô đầu, lẩu xanh, nhà chứa, thuốc phiện, sòng bài, khu nhà ổ chuột. Thế nhưng giữa vũng bùn như thế lại mọc lên một đóa sen tinh khiết - Một câu chuyện tình.

Còn đang học đệ thất (lớp 7 ngày nay), nhưng cậu bé Khánh đã để ý cô bé cạnh nhà. Gặp nhau nói mấy câu bóng gió gì đó ngay bên hàng rào, như phơi quần áo, xách nước giếng, quét sân, rửa bát. Tình yêu vụng dại vẫn kéo dài cho tới năm chàng Khánh học đến lớp đệ nhất. Đến kỳ thi Thành chung thì Khánh bị rớt. Biết vì phân tâm do yêu, không lo học, cô bé hàng xóm tránh mặt. Nàng gửi lời nhắn tới Khánh: khi nào thi đậu Thành chung thì mới thấy nhau. Trong thời gian chàng lo dùi mài kinh sử để thi lại, đột ngột, chỉ trong một đêm gia đình cô gái chuyển gáp lên Thái Nguyên, nơi người cha sẽ tới làm việc.. Kỳ thi ấy Khánh có bằng Thành chung, tức tốc đón xe lên Thái Nguyên.

Cuối tuần thứ ba chàng khăn gói lên thăm. Tới nhà, một không khí âm ỉ, buồn bã bao phủ. Cha nàng lặng lẽ cho hay sau vài ngày bạo bệnh, nàng đột ngột ra đi. Ôm đàn lên ngọn đồi, chàng vật mình vào ngôi mộ người yêu còn thơm mùi đất, chưa kịp mọc cỏ non. Những giây phút lãng mạn hạnh phúc tuột vụt vào quá khứ. Chẳng còn tiếng gió vi vu thổi sáo trên lá, chẳng còn người yêu nghiêng tai nghe đàn. Kỷ niệm cùng nàng tuôn trào theo từng tiếng đàn rờ rã “...yêu ai, yêu cả một đời, tình quá khát khe khiến cho đời ta, đau tủi cả lòng, vì yêu ai mà lòng hằng nhớ ...”.

Bài hát “Nỗi lòng” đã nghệt ngã ra đời bên một ngôi mộ mới, trên một đồi thông chất chứa ai oán của một cuộc tình chưa chạm tay tới hạnh phúc. “...Lòng vẫn biết nếu yêu rồi một ngày Là đến với đờn đau Nhưng sao trong ta vẫn yêu vẫn nhớ Dù sao, dù sao nếu có một ngày Một ngày gieo trong tim ta Là tình yêu kia ly tan Mà lòng vẫn thương vẫn nhớ...”

Về lại Hà Nội, về lại ngõ nhỏ trong phố Khâm Thiên, với tác phẩm đầu tay “Nỗi lòng”, chàng trai trẻ chỉ kịp giải bày nỗi đờn đau tột cùng của mình trong một tuyệt tình ca nữa “Chiều vàng”, sau đó ông mãi về cõi xa cùng người yêu ngay tại ngôi nhà nhỏ có hàng rào xưa đầy kỷ niệm..

Từ “Giao Chỉ” thời Triệu Đà

Sau khi Tần Thủy Hoàng mất, nhà Tần suy yếu, Lưu Bang diệt nhà Tần, lập ra nhà Hán, xưng là Hán Cao Tổ. Năm 196 trước Công Nguyên, Hán Cao Tổ dụ Triệu Đà thần phục nhà Hán. Lúc bấy giờ Triệu Đà làm vua nước Nam Việt được 12 năm rồi, và Hán Cao Tổ làm vua nhà Hán được 11 năm (1).

Năm 111 trước Công Nguyên, Hán Cao Tổ đổi tên nước ta là Giao Chỉ (2) và đưa quan của nhà Hán sang cai trị.

Từ “Giao Chỉ” lần đầu tiên được dùng để chỉ nước ta vào thời Triệu Đà.

(1) Các sử gia ta sau này không để ý đến khoảng cách thời gian này là cùng trong một niên kỷ dưới thời nhà Hán, có hai nước riêng rẽ là Nam Việt và Giao Chỉ.

(Vì Triệu Đà làm vua nước Nam Việt 70 năm và thọ 121 tuổi).

(2) Dưới thời Minh, vùng biển ngoài khơi nước ta được người Minh gọi là Giao Chỉ hải. Người Bồ Đào Nha đọc trại ra thành Cochín để rồi từ đó có danh từ Cochinchina để chỉ miền Nam nước ta. (Nguồn: Sử gia Lê Mạnh Hùng – Nhìn lại sử Việt).

(Giáo sư Nguyễn Lý Tường – Thuyền ai đợi bến Văn Lâu)

Từ như tâm phúc chi ngôn

Người say hay nói thật.

(Việt Chương - Thành ngữ, tục ngữ, ca dao VN)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Động trung xuân

Một ông làng Động Trung, tỉnh Thái Bình, mở tiệc mừng thọ. Có người đem lại tặng bức hoành khắc ba chữ: *Động trung xuân*.

Chủ nhân treo lên được vài hôm, bỗng bảo gia đình đem xuống đem chẻ ra thành củi thì ra Động trung xuân, tuy có nghĩa làng Động trung về xuân tươi tốt mãi, thật hợp với lời chúc thọ, nhưng trong bài thơ Thiên Thai có câu:

Văng văng kê minh nham hạ nguyệt
Thần thần khuyến phệ động trung xuân

Thì ra ba chữ động trung xuân đứng sau hai chữ khuyến phệ. Chủ nhân trước kia đã từng mở cửa hàng..."mộc tồn.

(Lãng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lâm.

âm vị 因位

Đó là đơn vị ngữ âm nhỏ nhất có tác dụng phân biệt ý nghĩa của từ. Định nghĩa như vậy có lẽ cũng chấp nhận được.

Nhưng soạn giả giải thích rằng, "vị" nghĩa là nói, thì hoàn toàn sai! Trong các từ điển chữ Hán, từ "âm vị" (từ tương ứng trong tiếng Anh là phoneme) được viết là 音位.

Chữ "vị" ở đây nghĩa là chỗ đứng, là vị trí, là đơn vị, chứ không phải vị là "nói" 謂 như soạn giả đã dạy bảo.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Sự phát triển của tiếng Việt

Tiếng "nhà thờ" hay tiếng Việt xưa?

Những người đàng Ngoài vào Nam lập nghiệp, theo chân các chúa Nguyễn, đã mang theo gia tài văn hóa trong đó có tiếng nói và chữ viết Nôm (và chữ Hán). Ông bà ta sẽ đồng hóa người

Chiêm Thành, nhưng ta cũng đã bị ảnh hưởng trở lại về văn hóa. Tổ tiên ta cũng sẽ nuốt phần Thủy Chân Lạp. Vua chúa nhà Nguyễn sẽ mở rộng tay đón nhận con cháu nhà Minh; những người này sẽ khai phá những vùng thị tứ mới nay là Chợ Lớn, Biên Hòa, Hà Tiên, vv. Từ những lý do, tiếng nói lưu dân nơi vùng đất mới theo hoàn cảnh sinh hoạt và môi trường địa lý mới. Những "hội nhập" này khiến chữ viết Nôm trong Nam đã có những biến hóa, cấu trúc khác đi theo phát âm, lối viết và phương ngữ Nam bộ. Thí dụ phương ngữ dị biệt về phát âm như "chun, chuyền, chiền", thay vì "chung, chiến, truyền chuyền". Từ đó như tạo thành một "thứ" tiếng Việt của miền Nam lưu dân mà từ lâu nay vẫn bị gán là "tiếng của nhà thờ".

Ông Nguyễn Háo Vĩnh trong bài nói trên đã viết tiếp lời phê về văn Nam Phong như sau: "Coi mà chẳng hiểu thì có ích gì đâu, dần dần người ta ngã lòng chẳng còn muốn coi nữa".

Và tiếng Việt trước 1920 bị xem là tiếng "nhà thờ" và bị bỏ quên, các hoàn cảnh biến cố tiếp sau đó đã tiếp tục đẩy đưa cái khuynh hướng này. Cùng tiếng nói nhưng có những dị biệt về chữ viết, thành ngữ và phát âm khiến không hiểu nhau trọn vẹn.

(Nguyễn Vy Khanh - Tiếng Việt một số tác phẩm mới phát hiện)

Các Họa sĩ và Tựa Lược Văn Đoàn

Nguyễn Gia Trí bút hiệu :RIGT, Gtri và GT.

Tô Ngọc Vân bút hiệu Tô Tử và Ái Mỹ.

Nguyễn Cát Tường bút hiệu Lemur, Cát Tường, CT và AS.

Trần Bình Lộc bút hiệu Bloc.

Trần Quang Trân bút hiệu Ngym, NM và Ngạc Mai.

Lê Phổ.

Trần văn Cẩn.

Lưu văn Sin.

Lê Minh Đức bút hiệu Bút Sơn (để ra Xả Xệ).

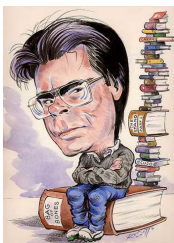
Nhất Sách.

Chữ nghĩa làng văn

Nhân vật

Việc xây dựng nhân vật có thể tóm gọn ở hai việc: quan sát cách xử sự của nhân vật và kể lại cho độc giả những gì bạn nhìn thấy. Công việc của bạn là đặt chiếc camera vào nhân vật đó.

Nếu bạn mang được những hình ảnh trung thực này vào truyện của bạn, nó có thể không giúp bạn dễ dàng tạo được những nhân vật thật xuất sắc, nó sẽ ngăn chặn bạn để ra những nhân vật rõ ngớ ngẩn nhảm trong các truyện bình dân.



Stephen Edwin King, sinh năm 1947, là nhà văn chuyên viết truyện trinh thám, kinh dị. Ông được biết đến nhiều nhất với những tác phẩm đã được chuyển thể thành phim như :*Stand by Me*, *The Shawshank Redemption* và *The Mist*

(“Đối thoại” và “Nhân vật” – Stephen King)

Chữ là nghĩa

Hợp kim **Đồng** (bronze) ta cũng mượn của Tàu một cách kỳ lạ.

Các nhà bác học của Viện Bác cổ Viễn đông đã chứng minh được bằng cách phân chất rằng đồ đồng Lạc Việt là do chính dân Lạc Việt đúc ra, chớ không phải mua của Tàu, mà đồ đồng ấy, đã tiến qua nhiều thế kỷ rồi chớ không phải là mới phát minh vào đầu Tây lịch Kỷ nguyên, vậy mà lại không có danh từ chỉ món hợp kim ấy hay sao, để đi mượn danh từ **đồng** của Tàu?

(Gương mặt dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt – Bình Nguyên Lộc)

Chữ Việt cổ

con chèo : con nhái

(Phạm Xuân Độ)

Đối thoại

Đối thoại mang giọng nói cho nhân vật của bạn, nó cũng là *nhân tố biểu hiện tính cách nhân vật*. Nhưng chỉ những gì nhân vật làm mới cho ta hiểu rõ về nhân vật. Lời nói chỉ tiết lộ phần nào đó.

Đối thoại hay sẽ chỉ ra nhân vật của bạn sắc sảo hay ngờ ngẩn, trung thực hay giả dối...

Đối thoại dở sẽ giết chết tác phẩm.

(“Đối thoại” và “Nhân vật” – Stephen King)

Từ “Ngô”

Năm 196, nước Trung Hoa tan rã thành nhiều sứ quân khởi đầu cho thời Tam Quốc trong lịch sử Tàu: Phía bắc Tào Tháo lập nhà Ngụy. Lưu Bị tại Tứ Xuyên lập ra nhà Thục (Thục Hán). Ngô Tôn Quyền ở Nam Kinh lập ra nhà Ngô (Đông Ngô). Quận Giao Chỉ lúc đó nằm trong tay Thái thú Sĩ Nhiếp.

Năm 248, quân Ngô xâm lấn nước ta cử Lục Dật làm thứ sử lãnh chức An Nam hiệu úy. Danh từ An Nam lần đầu tiên xuất hiện từ thời nhà Ngô (Tam Quốc Chí - Ngô thư – Sĩ Nhiếp truyện) & (Bà Triệu đánh đuổi quân Ngô thời kỳ này).

Trong *Dư Địa Chí* của Nguyễn Trãi, năm 1368, chương XLVIII, từ đời Trần, vua Trần Dụ Tông nói về cấm người nước ta không được học theo các tiếng nói và phục sức của nước Ngô (tức nhà Minh - vì trước đó vào thời Trần, nhà Nguyên đô hộ nhà Minh với ăn mặc của rợ Hồ) để làm loạn phong tục ở trong nước.

(Sử gia Lê Mạnh Hùng – Nhìn lại sử Việt)

Văn sử với truyền thuyết

Nhị Trưng phu nhân

Sử ký ta viết về Hai Bà Trưng bấy lâu nay dựa vào *Lĩnh Nam Chích Quái* của Trần Thế Pháp, một tác giả thời Trần soạn vào năm 1337. Văn tự chữ nghĩa viết về Hai Bà còn ghi lại được, có thể nói tóm tắt là có từ thế kỷ XIV đến nay.

Sau đây là những trích dẫn một "*chân dung và tiểu sử sơ lược*" trong *Lĩnh Nam Chích Quái* với tựa đề: *Nhị Trưng phu nhân*.

Sử chép: Bà chị tên Trắc, bà em tên Nhị, vốn họ Lạc, người, người làng Mê Linh, Châu Phong. Bà chị là vợ Thi Sách ở châu Diên. Tô Định giết chồng bà. Bà chị phẫn nộ cùng với em gái nổi dậy đánh đuổi quân Tàu. Hai Bà bình định được 60 thành ở Lĩnh Nam, tự lập làm vua, đóng đô ở Châu Diên. Vũ Đế nhà Hán sai hai tướng là Mã Viện, Lưu Long đem đại quân sang đánh đến Lăng Bạc. Phu nhân bị thế cô phải tự tử, dân thương cảm lập đền thờ ở huyện An Hát.

Vua Anh Tông nhà Lý, hốt nhiên ngủ mộng thấy hai thiếu nữ mày liễu quần hồng, mào đỏ, cỡi ngựa sắt mà chạy ngang.

Vua hỏi thì hai thần nhân trả lời:

- *Thiếp là em Nhị Trưng, phụng mệnh Trời làm mưa đây.*

Vua tỉnh dậy mà cảm, lập đền thờ, sắc phong hai bà làm Nhị Trưng phu nhân. (Truyện 30, theo bản dịch của Lê Hữu Mục).

(nguồn Thiên sư Lê Mạnh Thát)

Ca dao

Nét “tục” trong tục ngữ phong dao

Nước nóng đổ lọ bình vôi
Tôi ngồi tôi nghĩ bố tôi, tôi buồn
Bố tôi dở dại dở khôn,
Say mê cái l. bỏ mẹ con tôi.

(“Tục Ngữ Phong Dao” - Nguyễn văn Ngọc)

Chuyện làng văn xóm chữ với bút hiệu

Bút hiệu có ý nghĩa hay, có âm thanh hài hòa

Hầu hết các văn nhân chọn tên hiệu theo tiêu chuẩn này. Các văn nhân thường chọn các từ ngữ Hán Việt, để vừa có ý nghĩa hay, vừa có âm thanh hài hòa. Ví dụ: Thanh Lãng, Nguyên Sa, Thanh Tịnh, Nhất Linh, Hàn Mặc Tử, v...v...

(Nghệ Danh)

Chuyện làng văn với bút danh

Nguyên Sa



Nhà thơ NGUYỄN SA

Tên thật là Trần Bích Lan, sinh ngày 1/3/1932 tại Hà Nội, theo gia phả thì tổ tiên của nhà thơ người có gốc Thuận Hóa (Huế), ông cố là Thượng thư Trần Trạm, giữ chức Hiệp tá Đại học sĩ trong triều đình thời vua Tự Đức, đến đời ông nội mới ra Hà Nội sinh sống.

Tên thật của nhà thơ Nguyên Sa là Trần Bích Lan, còn có bút danh Hư Trúc, thuộc trường phái thơ lãng mạn với những tác phẩm nổi danh như “Áo lụa Hà Đông”, “Paris có gì lạ không em”, “Tuổi mười ba”, “Tháng Sáu trời mưa”, v...v...

Trong cuốn hồi ký của mình, Nguyên Sa viết :

“Tôi thích được giới thiệu bằng cách đọc lên một bài thơ Nguyên Sa. Đó là cách giới thiệu được cả Nguyên Sa ý thức và vô thức, cho thấy bản ngã của người làm thơ tương đối đầy đủ nhất, cả bản ngã đã có, bản ngã đang có, và bản ngã muốn có. Những bài thơ khác biệt mang lại bản ngã khác biệt...”.

Với quan niệm bản thân “vốn dĩ chỉ là hạt cát”, Trần Bích Lan mới lấy bút danh Nguyên Sa và ngay lập tức lừng lẫy trên thi đàn.

(Nguyên Việt)

Nang

Nang ; cau
(mo nang)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Giai thoại làng văn xóm chữ

Tối linh từ

Ông Ích Khiêm, được cử giữ chức Tiểu phủ sứ, vâng lệnh cầm quân ra Bắc dẹp giặc Lý Dương Tái, ở hồ Ba Bể, khi trở về qua Hà thành cho lập một ngôi đền thờ những tướng sĩ trận vong. Ông sai người đến xin Yên Đổ mấy chữ để đề ngoài cổng đền, người này kể lể "quan Tiểu muốn làm đền cho lính tôi", ra về tự đắc mình cũng là hàng tướng tá. Yên Đổ cho ba chữ: Tối linh từ

Ông Tiểu cho là chữ quá ư tầm thường, có biết đâu Yên Đổ đã nói lái: "tối linh là lính tôi" cho bõ ghét cái anh tay sai hách xằng!

(Lăng Nhân Phùng Tất Đắc - Chơi chữ 1960)

Chữ là nghĩa

Bến, Đâu, Vàng, Đồng là những tiếng vay mượn không có lý do, như, chúng tôi đã ám chỉ ở bài trước khi nói về Đùi, do bọn lính nói tiếng Tàu vay mượn, còn ta thì đã có danh từ *Bấp vế*.

Qua cuộc tìm tòi nhỏ này, ta chỉ biết được có một sự kiện lịch sử thôi, là nam nữ ta đã sống chung vào thời đó, tức đã có vợ chồng, và dầu còn theo hệ mẹ, vẫn biết có người cha.

(Gương mặt dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt – Bình Nguyên Lộc)

Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Trong lúc chờ nhà sửa soạn bữa cơm papa cho biết: “Bị bắt lên Trục Ninh, sau giải sang Lạc Quần, bị giam ở đó sợ lắm vì mỗi lần báo động oanh tạc chúng chạy hết còn tù thì xích chân lại cho trong đồn, cố ý mượn tay thằng Tây giết mình. Có lần tàu bay bắn phá may mà không sao.

Hôm nay có lệnh giải đi nơi khác vì vùng này mất an ninh, nhưng không biết đi đâu.” Rồi papa hạ giọng: “Hôm trước nó hỏi về thằng Triệu con anh Tam, tôi có khai là nuôi nó từ bé, nó không biết anh Tam là ai cả.”

Trong lúc papa ngồi ăn vội vã, tên công an vẫn lão đảo ngoài hiên lừ lừ nhìn mọi người. Thấy mẹ khóc nức nở hẳn đến gần nói mấy câu: “Cứ yên tâm, sẽ có ngày về, chính sách chính phủ bao giờ cũng đại đoàn kết để kháng Pháp.”

Ăn xong lên đường, tên Công An còn ngoảnh lại nói như máy: “Đến nơi sẽ có tin về nhà ngay, không sao cả, cứ yên tâm!”.

Khi papa ra đã tới gần đầu ngõ, mẹ tôi chợt nhớ vội gói mấy quả cam đường vào tờ kinh cứu khổ rồi bảo tôi: “Con chạy theo đưa papa mau lên, nói papa nhớ tụng kinh luôn, lạy trời phật cho tai qua nạn khỏi.”

Tôi chạy theo đưa papa nói vội:

“Cam đường papa nhớ ăn, kinh cứu khổ papa nhớ tụng!”

Tôi đi theo đến đầu làng, dáng papa thất thểu vác tay nải mệt nhọc đi trước, tên công an vạm vỡ đi theo sau. Đi mãi, đi mãi rồi khuất hẳn sau dãy tre, chắc là đi về phía sông Hồng xa lắc đằng kia.

Tôi bàng hoàng trở về nhà, miệng còn lẩm bẩm:

“Tội nghiệp, không biết papa mình có nhớ ăn cam đường và tụng kinh cứu khổ không?” (...) Từ cái ngày đó về sau, tôi không còn được gặp lại “papa tòa báo” nữa.

(Papa tòa báo - Trần Khánh Triệu)

Nét “tục” trong tục ngữ phong dao

Ca dao

Vú em chum chũm chũm cau
Cho anh bóp cái, có đau anh đèn
Vú em chỉ đáng một tiền
Cho anh bóp cái anh đèn quan năm.

(“Tục Ngữ Phong Dao” - Nguyễn Văn Ngọc)

Giai nhân di mặc



Những bài thơ Nôm đầu tiên được coi là của Hồ Xuân Hương, xuất bản ở Hải Phòng, năm 1913, như một tài liệu không chính thức. Bốn năm sau, năm 1917, Đông Khê Nguyễn Hữu Tiến xuất bản *Giai nhân di mặc*, toàn những chuyện hư cấu... trong đó có chuyện Hồ Xuân Hương và thơ Hồ Xuân Hương... dĩ nhiên, cũng là những “hư cấu”.

Ấy thế mà có nhà phê bình lại dựa vào đó mà soạn ra *Thân thế và sự nghiệp của Hồ Xuân Hương* và đánh giá thơ văn của bà, như một tác giả chính thức và tác giả đó có mặt thực sự trong đời sống xã hội. Thấy bán được, các nhà xuất bản tiếp theo in thơ Hồ Xuân Hương như một tác giả “có thật” và số bài mỗi lần in một tăng lên, cuối cùng đến hơn 200 bài.

Rủ nhau đi cầu

May quá, nỗi bực mình của tôi được sách *6 truyện - thơ nôm đầu thế kỷ XX* giải tỏa giùm. Sách này chỉ chép:

Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy

Rõ ràng Nguyễn Văn Ngọc đã ghép mấy câu thơ có nội dung khác nhau thành một bài ca dao ngớ ngẩn, đầu Ngô mình Sở.



Ôn Như
Nguyễn Văn Ngọc
tác giả
Tục ngữ phong dao

Bây giờ xin bàn về hai câu hát ru em.
Câu thứ nhất hơi khó hiểu. *Sang* và *Kiều* nghĩa là gì?
- *Sang* có thể được hiểu theo hai nghĩa: sang trọng hay đi sang thăm nhau.
Chữ nôm phân biệt 2 cách viết chữ *Sang*.
Sang (sang trọng) = chữ Cự + chữ Lang.
Sang (đi sang) = bộ Sước + chữ Lang.
Chữ *Sang* của câu thơ nghĩa là *đi sang*.

- *Kiều*, ngoài nghĩa thông dụng là cái cầu còn có nghĩa là cây cao (Thiều Chửu), cây cao cành cong (Đào Duy Anh).

Cầu kiều là cầu cao, cầu cong. Một kiều cầu đẹp của ngày xưa.

Câu thơ thứ nhất muốn nói:

- Đây muốn *sang* đây thì phải bắc *cầu cao, cầu cong* mà sang. Anh ơi, bố mẹ em muốn nhắn anh cái mục *môn đăng hộ đối* đây! Anh có đủ sức, đủ điều kiện thì hãy sang chơi!

Câu thơ thứ nhì nhắn nhủ:

- Ai muốn cho con được học hành tử tế thì phải *yêu* thầy.

(Nguyễn Dư)

Những cộng sự viên khác không ở trong tòa soạn và TLVĐ:

Cù Huy Cận bút hiệu Huy Cận (thơ mới).

Trần Tấn Cửu bút hiệu Trọng Lang (phóng sự).

Đoàn Phú Tứ (thơ và kịch).

Đỗ Đức Thu (tiểu thuyết).

Lê Thạch Kỳ bút hiệu Chàng thứ 13 (khoa học).

Trần Tiêu (tiểu thuyết).

Thanh Tịnh (tiểu thuyết).

Phạm Cao Cung bút hiệu Phạm thị Cả Mốc (thơ khôi hài).

Nguyễn Khắc Hiếu bút hiệu Tản Đà (dịch Đường thi).

Bùi Hiển (truyện ngắn).

Tô Hoài (truyện ngắn).

Nguyễn Lan Hòa bút hiệu Huyền Hà (Truyện dịch)

Nguyễn Hồng (tiểu thuyết).

Đình Hùng (tranh khôi hài).

Nguyễn Công Hoan (truyện ngắn).

Vĩ Huyền Đắc (kịch).

Mụ Béo Saigon (không biết tên thật).

Nguyễn Tường Bách (thơ và truyện ngắn)...

Nguyễn Lan Hòa bút hiệu Huyền Hà (Truyện dịch)

(Phạm Thảo Nguyên - Bếp Núc của Tự Lực Văn Đoàn)

Đặt lễ quê thói với phong tục cổ truyền

Lễ chung thất

Theo "Thọ mai gia lễ", thì cứ đúng ngày quy định trong gia lễ mà làm, không có sự chuyển dịch tùy tiện theo lời thầy lễ hay thầy bói nào cả. Chỉ trừ ngày làm lễ an táng và ngày làm lễ trừ phục (hết tang) trong gia lễ có ghi chọn ngày lành. Người ta không ai có thể chọn ngày chết, vậy nên từ xưa tới nay, hàng năm cứ đến ngày mất thì làm giỗ, dù cho có những năm, ngày đó rất xấu, có cả trùng phục, trùng tang, sát chủ, quả tú, cô thần.v.v... theo gia lễ: Lễ chung thất, Tốt khốc, Tiều tường, Đại tường cứ theo đúng ngày mà làm lễ.

Con cháu ở xa nhớ ngày về làm lễ, thân nhân ở chỗ khác sắm sửa lễ đúng ngày tới dự, chẳng lễ đến nơi thấy hương lạnh khói tàn, gạt nước mắt lủi thủi ra về hay sao? người chủ sự báo lại rằng: theo lời thầy lễ đã lễ xong xuôi đâu đấy rồi, hoặc đợi thêm và ngày nữa, được chăng? Xin lưu ý tang tế theo ngày định sẵn, thân bằng, cố hữu ai lưu luyến đến thăm viếng, không chuyen "Hữu thỉnh hữu lai, vô thỉnh bất đáo" (mời thì đến, không thì thôi).

Phở xuất hiện lúc nào?

Tìm kiếm trong văn chương và ngôn ngữ Việt Nam, chúng ta cũng có được vài dấu vết. Thi sĩ Tân Đà đã sống ở Hà Nội khoảng 1907. Trong bài “Đánh bạc” của Tân Đà được viết vào khoảng 1915-1917 có đoạn:

“(…) Trời chưa sáng, đêm còn dài, thời đồng tiền trong tay, nhiều cũng chưa hẳn có, hết cũng chưa chắc không. Tất đến lúc đứng dậy ra về, còn gì mới là được (…) Có nhẽ đánh bạc không mong được, mà chỉ thức đêm ăn nhục phở (1)

(1) Tân Đà . Tân Đà Tân Văn. Hương Sơn, Hà Nội, 1942. Đánh bạc, bài 21, tr.86. Trong tập này, một số bài đã đăng ở Đông Dương tạp chí. Phạm Quỳnh đề tựa 1918.

(Sơn Trung – Lịch sử Phở)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

Ẩn dụ

Ẩn dụ là phép mỹ từ dùng sự so sánh ngầm. Soạn giả viết như vậy quả là không sai, nhưng ông lại giải thích rằng: ẩn = giấu kín, lánh đi, ngầm; và, dụ = rõ ràng, thì đã bộc lộ ngay một điều không ổn, vì hai trạng thái giấu kín và rõ ràng được kết hợp với nhau cùng một lúc, thật mâu thuẫn. Hơn nữa, như vậy thì ẩn và dụ đều chỉ tính chất chứ không chỉ hành động, mà từ ẩn dụ thì lại chỉ hành động chứ không chỉ tính chất.

Theo từ điển Từ Hải, chữ dụ 喻 có ba nghĩa: a) hiểu dụ (nghĩa là cấp trên giảng giải cho cấp dưới hiểu rõ), b) thông hiểu (nghĩa là hiểu hết), và c) tỉ dụ, tức là ví dụ. Cả ba nghĩa này đều chỉ hành động. Dem mấy nghĩa này ghép với từ tố ẩn thì ta có thể hiểu rằng, ẩn dụ là so sánh ngầm, hoặc là chỉ bảo ngầm, và cũng có thể là làm cho hiểu ngầm.

Trong tiếng Hán, còn có từ minh dụ 明喻, nghĩa là so sánh rõ ràng, cụ thể, đó là từ phản nghĩa với từ ẩn dụ.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chữ là nghĩa

Về thủy vận, ta đã biết dùng *buồm*, nhưng ăn uống thì còn kém chưa có món gì để *chém* thì chắc cũng chưa có món gì để mà thái cá, thái thịt. Những tiếng *chiên, chưng, hấp, xào* toàn là tiếng Tàu, ta chỉ biết *luộc, nướng* và *kho* mà thôi.

Ta không biết món *cháo*, y như đồng bào Thượng ngày nay. Vả lại Tàu cũng biết cháo trước ta không lâu lắm. Theo bác sĩ Huard, giáo sư y khoa ở Hà-nội hồi tiền chiến, tác giả quyển “*Y Khoa Trung Hoa*” thì môn trị bệnh bằng cách ăn uống (*diététique*), chỉ mới xuất hiện ở Tàu vào cuối đời nhà Chu mà thôi, tức cách nhà Hán chỉ một triều đại nhà Tần dài không tới trăm năm.

Món cháo không phải là món ăn của người thường mà là món ăn của người đau ốm vì cháo thuở ấy là cháo trắng, tức cháo hoa, chớ chưa biết nấu cháo thịt, cháo lòng, cháo cá như về sau.

Mà đừng nói chi cháo nó gần như là một vị thuốc. Cơm, người Tàu biết cũng không lâu. Họ chỉ biết ăn cơm khi nước Sở thành lập, vì lúa gạo không mọc được ở Hoa-bắc, ở đó họ chỉ trồng lúa mì, làm bánh bao mà ăn cho đến ngày nay.

Thật ra người Tàu đã cướp đất Kinh của người Việt từ đời nhà Hạ. Bọn di cư ấy đã biết cơm từ thuở đó, nhưng vì không có liên lạc với chánh quốc nên khi nước Sở mà họ lập ra, hùng cường rồi thì trung ương của Tàu mới biết cơm. Đó là vào đời Tây Chu.

(Gương mặt dân Lạc Việt qua ngôn ngữ Việt – Bình Nguyên Lộc)

Xuất sứ của những bản nhạc

Gợi giấc mơ xưa – Lê Hoàng Long

Năm 1954, ông quen cô gái có cái tên khá dễ thương: Lê Thu Hiền. Gia đình cô gái này vốn là người Bắc định cư tại Sài Gòn.

Tình cảm hai người ngày càng đậm thắm, và ông luôn tin rằng cuộc tình ấy sẽ mang đến những điều như ông hằng mong ước.

Bỗng một ngày, cô nói với ông rằng có người đang hỏi cưới cô.

Đó là thời điểm giáp tết Ất Mùi (1955), ngày cô lên xe hoa, ông ngồi ở quán cà phê cạnh nhà cô, nhìn thấy cô mặc áo cô dâu, ôm bó hoa trắng. Đoàn xe cưới qua đi, ông bản thân trở về căn gác trên đường Lý Thái Tổ, vùi mình bao nhiêu nỗi đau lại tuôn ra. Bài *Gợi giấc mơ xưa* được ra đời trong trạng thái đó. *Thương em thì thương rất nhiều mà duyên kiếp lỡ làng rồi... Cả phần nhạc lẫn phần lời chỉ hoàn thành trong vòng khoảng 10 phút!*

Ông đưa bài hát này cho ca sĩ Mạnh Phát, và được phát đầu tiên trên đài phát thanh Pháp Á. Bài hát trở nên nổi tiếng, và câu chuyện tình trong bài hát được nhiều người biết đến.

Vì sao ông đang ở Sài Gòn mà bài hát được bắt đầu bằng *Ngày mai lên đênh trên sông Hương*? Vì ngay từ cái lúc nhìn người yêu đi lấy chồng, ông đã quyết tâm từ bỏ Sài Gòn để chạy trốn nỗi đau. Ông ra Huế... “...Ngày mai lên đênh trên sông Hương, Theo gió mơ hồ hồn về đâu? Sóng sầu dâng theo bao năm tháng, ngóng về đường lối cũ tìm em! Thương em thì thương rất nhiều mà duyên kiếp lỡ làng rồi...”

Chú thích:

Gợi giấc mơ xưa là tác phẩm duy nhất của Lê Hoàng Long

Rượu trong văn học

Người Việt ta chịu ảnh hưởng của Nho gia, nên kẻ có học ngày xưa được coi thuộc dân lịch lãm thời phải biết uống rượu.. Uống rượu nhiều được phong tặng là đệ tử Lưu Linh. Chính vì vậy mà các nhà văn, nhà thơ trước đây của chúng ta thường có những bài nhướm mùi men rượu là thế.

Nguyễn Khuyến thường mượn rượu nói dùm mình:

“Thơ Lý ngâm nga khi mở quyển

“Đàn Nha tình tính lúc lần dây

“Đem cờ vua Thích vui bè bạn

“Mượn chén ông Lưu học tỉnh say

(Nhân sinh thích chí)

“Câu thơ được chữa, thừa rằng được.

“Chén rượu say rồi nói chữa say.

(Cảm hứng 1)

“Hé miệng nói ra gàn bát sách,

“Mềm môi chén mãi tít cung thang.”

(Tự trào)

“Khi buồn chén rượu say không biết

“Ngửa mặt lơ mờ ngọn núi xa

(Túy cảm)

“Lúc hứng đánh thêm ba chén rượu

*“Khi buồn ngâm láo một câu thơ
(Lão cảm)*

*“Mùi thè thử chơi không chén choáng
“Giọng tình mới nhấp chửa say sưa
(Tặng bạn mở ty rượu)*

*“Chén chú chén anh chén tôi chén bác
“Cuộc tỉnh say say tỉnh một vài câu
(Hỏi ông phổng đá)*

(Khuyết danh - Tết nói chuyện rượu)